

Bản án số: 113/2020/HSST

Ngày: 22/7/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** - Ông Phạm Văn Chính
- Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 98/2020/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXX-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2020/HSST-QĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Đặng Kim T, sinh năm 1993 tại Tp.H; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký thường trú: 958/87/2 đường L, Phường 8, quận T, Tp.H; Nơi cư trú: Phòng 301, nhà trọ số 26/1X ấp Đ, xã B, huyện H, Tp.H; Giới tính: nữ; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Đình N và bà Đặng Thị Tuyết M; Anh chị em ruột: 03 người, bị cáo là con út trong gia đình; Chồng: không có; Con: Trần Thiên P, sinh năm 2011; Tiền án: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Tp.H xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Năm 2017, bị Tòa án nhân dân Tp.H xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/12/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

Người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Hồng T; Địa chỉ: 150/20 đường T, Phường 5, Quận 5, Tp. H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/12/2019, Trần Đăng Kim T đến khu vực Bến xe An Sương gặp 01 người tên Quyên (không rõ lai lịch) mua ma túy đá với giá 500.000 đồng. Quyên giao cho T 01 gói ma túy được bỏ vào trong túi nylon, được dán vào tờ tiền mệnh giá 500 đồng bằng băng keo đen rồi T bỏ vào nón bảo hiểm đang đội trên đầu quay về phòng trọ tại phòng 301, nhà trọ số 26/1X ấp Đ, xã B, huyện H, Tp.H. Đến khoảng 15 giờ 00 ngày 18/12/2019, khi T đang đội nón bảo hiểm có giấu ma túy đi vào nhà xe của phòng trọ thì bị Tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát hình sự phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy phát hiện bắt quả tang, thu giữ số ma túy trên.

Vật chứng thu giữ gồm có:

- 01 gói niêm phong số 37;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6;
- 01 nón bảo hiểm, 01 đoạn băng keo đen và 01 tờ tiền mệnh giá 500 đồng;
- 01 xe máy biển số 59H1-080.54, số khung ADBD022517, số máy UAAD - 022517.

Tại bản Kết luận giám định số 37/KLGD-H ngày 24/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H kết luận: tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m₁ cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,4989 gram, loại Methamphetamine.

Tại Công an xã B và tại Công an điều tra huyện H, Trần Đăng Kim T đã thừa nhận hành vi nêu trên.

Đối với người tên Quyên bán ma túy cho T không rõ lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số: 97/CT-VKS – HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố H đã truy tố bị cáo Trần Đăng Kim T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đăng Kim T từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy đối với 01 gói niêm phong mang số vụ 37 có khối lượng 2,4989g loại Methamphetamine, 01 nón bảo hiểm và 01 đoạn băng keo đen;

Đối với 01 ĐTDĐ Nokia thu giữ của Trần Đăng Kim T là phương tiện Thảo dùng để liên lạc mua ma túy nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 ĐTDĐ Iphone 6 thu giữ của Trần Đăng Kim T dùng để liên lạc gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T.

Đối với 01 xe gắn máy biển số 59H1-080.54 (số khung ADBD022517, số máy UAAD – 022517), qua xác minh do chị Lê Thị Hồng T đứng tên chủ sở hữu. Hiện chị T đang định cư ở nước ngoài. Bị cáo khai nhận bị cáo mua xe này ở cửa hàng mua bán xe ở khu vực Bến xe An Sương, khi mua không làm giấy tờ mua bán. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn đăng báo xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo T nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay qua phần xét hỏi và tranh tụng công khai, bị cáo Trần Đăng Kim T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo T thừa nhận bản thân nghiện ma túy, 01 gói ma túy loại Methamphetamine có trọng lượng 2,4989g do Công an kiểm tra thu giữ do T cất giấu trong nón bảo hiểm vào ngày 18/12/2019 là của bị cáo T mua cất giấu để sử dụng cho bản thân.

Xét thấy năm 2013 bị cáo Trần Đăng Kim T đã bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích thì tiếp tục tái phạm và bị Tòa án nhân dân Tp.H xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vào ngày 14/02/2017 theo Bản án số 43/2017/HSST. Bị cáo T đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bị bắt quả tang với khối lượng ma túy là 2,4989g loại Methamphetamine vào ngày 18/12/2019 của Trần Đăng Kim T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm do Nhà nước thống nhất quản lý độc quyền. Mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đều bị Nhà nước nghiêm cấm, bản thân bị cáo T là người có đầy đủ năng lực hành vi và tự nhận thức được điều này nhưng xuất phát từ động cơ, mục đích nhằm thỏa mãn cơn nghiện nên bị cáo vẫn cố ý

phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bằng hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà Nước đối với các chất ma túy, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra một dư luận không tốt trong nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trái pháp luật do mình gây ra và cần phải có hình phạt nghiêm để có giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm tương tự.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có hình phạt tương xứng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: không có.

Với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhưng có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Cơ quan Công an thu giữ 01 gói niêm phong mang số vụ 37 có khối lượng 2,4989g loại Methamphetamine, 01 nón bảo hiểm và 01 đoạn băng keo đen, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 ĐTDD Nokia là phương tiện bị cáo T dùng để liên lạc mua ma túy và 01 tờ tiền mệnh giá 500 đồng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 ĐTDD Iphone 6 là tài sản thuộc quyền sở hữu của Trần Đăng Kim T dùng để liên lạc gia đình không liên quan đến việc phạm tội, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 xe gắn máy biển số 59H1-080.54, qua xác minh do chị Lê Thị Hồng T đứng tên chủ sở hữu. Hiện chị T đang định cư ở nước ngoài. Bị cáo khai nhận bị cáo mua xe này ở cửa hàng mua bán xe ở khu vực Bến xe An Sương, khi mua không làm giấy tờ mua bán. Ngày 22/02/2020 Cơ quan điều tra đã ra Thông báo về việc truy tìm chủ sở hữu xe máy nhưng chưa có người đến làm việc. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 4 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn đăng báo để tìm và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 xe gắn máy biển số 59H1-080.54 (số khung ADBD022517, số máy UAAD – 022517). Nếu quá 01 năm tính từ ngày thông báo trên báo vẫn không có chủ sở hữu hợp pháp đến xin nhận lại xe thì tịch thu xe sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: bị cáo Thảo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Đăng Kim T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1/. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đăng Kim T 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2019.

2/. Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong số 37 tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m₁ chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,4989 gram, loại Methamphetamine; 01 nón bảo hiểm và 01 đoạn băng keo đen.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 tờ tiền mệnh giá 500 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6.

+ Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn đăng báo để tìm và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 xe gắn máy biển số 59H1-080.54 (số khung ADBD022517, số máy UAAD – 022517). Nếu quá 01 năm tính từ ngày thông báo trên báo vẫn không có chủ sở hữu hợp pháp đến xin nhận lại xe thì tịch thu xe sung quỹ Nhà nước.

(Các vật chứng của vụ án do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn quản lý theo Phiếu nhập kho vật chứng số 44 ngày 11/3/2020 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/6/2020).

3/. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H.Hóc Môn;
- VKSND Tp.HCM;
- CQĐT Công an H.HM;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H.HM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh